

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN LỘC
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/KDTM-ST**

Ngày: 23-7-2019.

V/v: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán
hàng hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Anh Dũng**.

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Bùi Thanh Bình.**

2. Ông Trần Văn Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hạ** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Kim Huệ** – Kiểm sát viên sơ cấp.

Vào ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số **14/2019/TLST-KDTM** ngày 19 tháng 4 năm 2019, về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **01/2019/QĐXX-KDTM** ngày 04 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV KHT

Địa chỉ trụ sở: Số 68, ấp 9, xã D, huyện C, T.Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thị H – Giám đốc kiêm Chủ tịch công ty, là đại diện theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tổ 24, khu phố 4, phường B, thành phố P, tỉnh Đồng Nai, là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền lập ngày 08-7-2019) (*Có mặt*)

- Bị đơn: Công ty TNHH VMĐ

Địa chỉ trụ sở: Ấp 7, xã XT, huyện X, T.Đồng Nai.

Đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc, là đại diện theo pháp luật. (*Có mặt*)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1982. (*Có mặt*)

Địa chỉ: Ấp 7, xã XT, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông **Điểu Thanh R**, sinh năm 1974.(*Có mặt*)

Địa chỉ: Tổ 2, ấp T, xã XT, huyện X, T.Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-12-2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A trình bày:

Vào ngày 04-11-2016, Đại diện Công ty TNHH MTV (Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên) KHT (Gọi tắt là KHT) và Công ty TNHH (Công ty trách nhiệm hữu hạn) VMĐ (Gọi tắt là VMĐ) ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: VMD-NT 02/KTHH/2016. Nội dung: Bên VMĐ bán cho Bên KHT điều thô, nhận hàng tại In-đô-nê-si-a, Bên KHT cùng đi với Bên VMĐ đến In-đô-nê-si-a để kiểm tra chất lượng theo tiêu chuẩn là 51 lbs, 180 hạt/kg nhân và nhận hàng tại In-đô-nê-si-a, Bên KHT ứng trước cho Bên VMĐ 5.000.000.000đồng, số tiền còn lại sau khi nhận hàng tại Việt Nam sẽ thanh toán đủ, tổng trị giá lượng hàng là 5.486.000.000 đồng. Khi nhận khoản tiền ứng xong Bên VMĐ đi sang In-đô-nê-si-a trước, sau đó mới đưa Đại diện Bên KHT sang. Khi ở tại In-đô-nê-si-a, Bên KHT không chấp nhận nhận hàng vì kém chất lượng, không đúng như chất lượng thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết. Bên VMĐ nói như vậy thì khoảng 3 ngày sau sẽ thanh toán tiền lại.

Trong hợp đồng mua bán giữa hai bên, không có thỏa thuận yêu cầu bên thứ ba kiểm mẫu chất lượng hàng hóa, mà bên kiểm mẫu là KHT.

Sau khi về Việt Nam Bên VMĐ không chuyển trả lại tiền ứng trước. Sau nhiều lần gặp nhau Bên VMĐ có giao cho 03 container và 02 xe tải là 80 tấn, hạt điều kém chất lượng nên Bên KHT không nhận hàng, Bên VMĐ gửi cho anh Điều Thanh R tại TR phơi. Sau đó hai bên thỏa thuận số điều đó trị giá là 3.200.000.000 đồng, Bên VMĐ xin thêm 200.000.000 đồng, Bên KHT đồng ý. Sau khi khấu trừ tiền ứng trước, Bên VMĐ viết giấy nợ 1.600.000.000 đồng và hẹn trả hết vào ngày 25-01-2017, nhưng Bên VMĐ không thực hiện.

Nay Công ty KHT yêu cầu Công ty VMĐ trả số tiền gốc là 1.600.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 25-01-2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và lãi suất chậm thi hành án. Ngoài ra nguyên đơn không còn yêu cầu gì khác.

Đại diện bị đơn ông Nguyễn Quốc T trình bày: Thống nhất với nội dung hợp đồng mua bán hạt điều thô hai bên ký kết ngày 04-11-2016, như Bên KHT trình bày. Nhưng sau khi kiểm hàng tại Cảng CL, không đảm bảo chất lượng nên gửi hàng tại kho anh R (ở TR). Bên VMĐ muốn yêu cầu bên thứ ba có chức năng giám định chất lượng hàng hóa tiến hành kiểm tra chất lượng điều tại kho anh R, nhưng Bên KHT không đồng ý. Do đó, Công ty VMĐ chỉ chấp nhận trả cho Bên KHT 732.800.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc Đ trình bày: Bà

thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Quốc T, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Điều Thanh R trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của Đại diện KHT. Ông có hùn vốn 2.500.000.000đồng cho KHT để mua điều thô từ VMĐ, ông đồng ý giao cho KHT yêu cầu đòi nợ, ông không có ý kiến gì và không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa ý kiến: Về thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đảm bảo theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH VMĐ trả cho Công ty TNHH MTV KHT **1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu)** đồng tiền nhận tiền ứng và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Công ty TNHH MTV KHT và Công ty TNHH VMĐ ký kết hợp đồng mua bán hạt điều, tất cả vì mục đích lợi nhuận, trong quá trình thực hiện hợp đồng xảy ra tranh chấp nên xác định là vụ án tranh chấp kinh doanh thương mại.

Công ty TNHH MTV KHT khởi kiện Công ty TNHH VMĐ vi phạm hợp đồng mua bán hạt điều, nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa*”. Công ty TNHH VMĐ có địa chỉ trụ sở chính tại ấp 7, xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc, nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc.

[2] *Về tư cách tố tụng:* Công ty TNHH MTV KHT khởi kiện Công ty TNHH VMĐ nên xác định Công ty TNHH MTV KHT là nguyên đơn, Công ty TNHH VMĐ là bị đơn. Bà Nguyễn Thị H là đại diện theo pháp luật của Bên KHT có văn bản ủy quyền lập ngày 08-7-2019 cho bà Nguyễn Thị A, việc ủy quyền đúng quy định pháp luật nên xác định bà Nguyễn Thị A là đại diện hợp pháp của nguyên đơn. Ông Nguyễn Quốc T là đại diện theo pháp luật của Bên VMĐ, nên xác định ông T là người đại diện hợp pháp của bị đơn. Bà Nguyễn Ngọc Đ là vợ của ông Nguyễn Quốc T, là phó giám đốc Công ty và cũng là người viết và ký thay trong giấy nhận nợ và giấy hẹn trả nợ của Bên VMĐ nên xác định bà Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Ông Điều Thanh R là người hùn vốn cùng Bên KHT mua điều từ Bên VMĐ, là người nhận lưu kho số điều thô, nên xác định ông R là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan trọng vụ án.

[3] *Về yêu cầu của nguyên đơn:*

Các bên đương sự thống nhất: Bên KHT và Bên VMĐ có ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số: VMD-NT 02/KTHH/2016 ngày 04-11-2016, nội dung Bên VMĐ bán cho Bên KHT 108 tấn hạt điều, thành tiền 5.486.400.000đồng, Bên KHT đã ứng trước cho Bên VMĐ 5.000.000.000đồng; Bên VMĐ có gửi cho ông Điều Thanh R phơi 80 tấn hạt điều. Do đó, áp dụng Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự công nhận đây là sự thật.

Hợp đồng mua bán hàng hóa số: VMD-NT 02/KTHH/2016 ngày 04-11-2016 được ký kết bởi: Đại diện KHT là bà Nguyễn Thị H – Giám đốc, kiêm Chủ tịch công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty và Đại diện VMĐ ông Nguyễn Quốc T – Chủ tịch Hội đồng thành viên, kiêm giám đốc, là đại diện theo pháp luật của Công ty nên hợp đồng các bên ký kết có hiệu lực thi hành.

Đại diện Bên KHT trình bày hai bên giao nhận hàng tại In-đô-nê-si-a, nhưng khi đi sang In-đô-nê-si-a Bên VMĐ tự ý đi một mình, sau đó mới đưa người của KHT sang. Sau khi xem hàng tại In-đô-nê-si-a không đảm bảo chất lượng như thỏa thuận (51 lbs, 180 hạt/kg điều nhân) nên Bên KHT không nhận hàng. Bên VMĐ hẹn 03 ngày sau sẽ thanh toán tiền ứng, nhưng không thực hiện đúng như cam kết. Theo như hợp đồng số: VMD-NT 02/KTHH/2016 ngày 04-11-2016, có nêu chất lượng là 51 lbs, 180 hạt/kg điều nhân. Để chứng minh cho lời trình bày KHT cung cấp “Giấy hẹn” của Đại diện VMĐ viết ngày 07-12-2016, đóng mộc công ty có nội dung: *“Hôm nay 07/12 hàng nhập về cảng Cát Lái Bên KHT kiểm tra chất lượng được 24%, 42 lbs, Bên mua từ chối Công ty TNHH VMĐ sẽ hoàn trả tiền 5.000.000.000 vnd (Năm tỷ) cho Công ty KHT ngày 10/12 sẽ trả 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) còn lại 2.500.000.000 (Hai tỷ năm trăm triệu) vào ngày 17/12 sẽ thanh lý hợp đồng cho Công ty KHT”*. Như vậy, đã chứng tỏ là Bên VMĐ đã công nhận là hàng hóa kém chất lượng so với hợp đồng đã ký kết và chấp nhận thanh toán lại tiền tạm ứng trước cho Bên KHT làm hai đợt vào các ngày 10/12 và 17/12. Ngược lại, Đại diện VMĐ trình bày giá hạt điều hạ Bên KHT không nhận, nhưng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày. Cho thấy lời trình bày của VMĐ là không có căn cứ.

Bên KHT trình bày: Bên VMĐ gửi cho anh Điều Thanh R tại TR phơi. Sau đó, hai bên thỏa thuận số điều đó trị giá là 3.200.000.000 đồng, Bên VMĐ xin thêm 200.000.000 đồng, Bên KHT đồng ý. Để chứng minh cho lời trình bày, Bên KHT cung cấp “Đơn xin xác nhận” của Ban áp T ngày 17-12-2016, nội dung xác nhận có 2,4 tấn hạt điều bị mốc đen, có xác nhận của ông Nguyễn

Quốc G (Phó trưởng ấp T), nên Bên KHT đem số điều đó chỉ lấy nhân; và “Giấy nợ” ngày 03/01/2017 có nội dung: “tôi tên: Nguyễn Ngọc Đ có nợ cô Nguyễn Thị Kim H số tiền 1.600.000.000 (Một tỷ sáu trăm triệu đồng). Ngày thứ 6 tôi sẽ trả 600.000.000 (Sáu trăm triệu đồng chẵn), còn lại sẽ trả trước tết âm lịch 1.000.000.000 (Một tỷ đồng), tôi sẽ trả 25/01/2017”, ký tên Nguyễn Ngọc Đ. Như vậy, thể hiện hai bên thống nhất sau khi khấu trừ số điều gửi tại nhà anh R thì Bên VMD xác nhận còn nợ Bên KHT 1.600.000.000đồng. Ngược lại, Bên VMD trình bày trước sau không thống nhất: Tại “Biên bản đối chất ngày 31-7-2018”, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc lập, nội dung Bên VMD thừa nhận còn nợ Bên KHT 1.600.000.000đồng và chấp nhận trả 800.000.000đồng; Tại “Biên bản lấy lời khai đối chất ngày 07-6-2019”, Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc lập, nội dung Đại diện VMD thừa nhận còn nợ Bên KHT 1.336.000.000đồng; Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa Đại diện VMD cho rằng không cho Bên thứ ba kiểm định chất lượng, nên Bên KHT cho rằng chất lượng điều không đúng như thỏa thuận là không chấp nhận. Tại Điều 6 của Hợp đồng hai bên ký kết ghi: “Giám định số lượng và chất lượng bởi Bên A. Nếu Bên A giám định chất lượng không đạt yêu cầu thì Bên B sẽ chuyển tiền cho Bên A trong vòng 2 ngày”, hoàn toàn không thỏa thuận bên thứ 3 kiểm định. Mặt khác, tại thời điểm Bên KHT không chịu nhận hàng ở In-đô-nê-si-a do kém chất lượng, nhưng Bên VMD vẫn không tranh chấp về chất lượng. Đến khi về Cảng CL viết “Giấy hẹn” nội dung ghi là hạt điều không đảm bảo chất lượng như hợp đồng đã ký kết. Chứng tỏ, lời trình bày của Đại diện VMD là không có căn cứ.

Từ những phân tích trên, khẳng định: Trong quá trình thực hiện Hợp đồng hai bên ký kết số: VMD-NT 02/KTHH/2016 ngày 04-11-2016, Bên VMD còn nợ Bên KHT 1.600.000.000đồng.

Đại diện KHT yêu cầu VMD trả 1.600.000.000đồng là phù hợp quy định tại Điều 34 và Điều 39 Luật Thương mại năm 2005, nên chấp nhận; đối với yêu cầu tiền lãi suất theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 25-01-2017 đến ngày xét xử sơ thẩm nhận thấy: Theo quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005 và Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Thì bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán phải chịu lãi suất theo mức lãi suất trung bình trên thị trường tại thời điểm xét xử sơ thẩm của ít nhất 03 ngân hàng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam và Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm có mức lãi suất trung bình là từ:

$(8\%/năm + 8\%/năm + 7\%/năm) : 3 = 7,66\%/năm$ đến $(9\%/năm + 9,5\%/năm + 7\%/năm) : 3 = 8,5\%/năm$, tương ứng lãi suất trung bình quá hạn là từ $11,49\%/năm$ đến $12,75\%/năm$, như vậy chấp nhận yêu cầu của Đại diện KHT với mức lãi suất $11,49\%/năm$, từ ngày 25-01-2017 đến ngày 23-7-2019 là 2 năm 5 tháng 28 ngày, cụ thể: $1.600.000.000\text{đồng} \times 11,49\%/năm \times 2\text{ năm } 5\text{ tháng } 28\text{ ngày} = 458.382.000\text{đồng}$.

[3] Về án phí:

Yêu cầu của Công ty TNHH MTV KHT được chấp nhận tổng số tiền là 2.058.382.000đồng nên Công ty TNHH VMĐ phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: $72.000.000\text{ đồng} + (2\% \times 58.382.000)\text{đồng} = 73.167.000\text{ đồng}$.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 34, Điều 39 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Án lệ số 09/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Khoản 1, Điều 30; Điểm a, Khoản 1, Điều 35; Khoản 1, Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí.

Tuyên xử :

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc Công ty TNHH VMĐ trả cho Công ty TNHH MTV KHT **2.058.382.000** (Hai tỷ không trăm năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng, trong đó **1.600.000.000** (Một tỷ sáu trăm triệu) đồng tiền nhận tiền ứng và **458.382.000** (Bốn trăm năm mươi tám triệu ba trăm tám mươi hai nghìn) đồng, tiền lãi suất.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty TNHH MTV KHT cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH VMĐ còn phải chịu khoản tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Buộc Công ty TNHH VMĐ nộp **73.167.000** (Bảy mươi ba triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Hoàn trả cho Công ty TNHH MTV KHT **35.500.000** (*Ba mươi lăm triệu năm trăm nghìn*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số **007357** ngày **18-4-2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục T.H.A Dân sự H.Xuân Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Anh Dũng